

Biên Hòa, ngày 12 tháng 12 năm 2022.

Số: 2203/2022/QĐST-HNGĐ

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82, 83, 84, 110, 116, 117 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 2948/2022/TLST-VHNGĐ ngày 10 tháng 11 năm 2022 về việc yêu cầu “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

**Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

- Bà Đặng Thị K, sinh năm 1992; địa chỉ: phường B, huyện BT, thành phố Hồ Chí Minh.
- Ông Nguyễn Hữu T, sinh năm 1993; cư trú tại: Phường TV, thành phố BH, tỉnh Đồng Nai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Đặng Thị K và ông Nguyễn Hữu T tự nguyện kết hôn với nhau năm 2015, được Ủy ban nhân dân phường Tân Vạn, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 60/2015 ngày 23/6/2015.

Nay bà K, ông T xác định tình cảm vợ chồng không còn nên ông, bà cùng làm đơn yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa công nhận việc thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Có 01 con chung là cháu Nguyễn Hữu Th, sinh ngày 23/9/2015. Ly hôn, hai bên thỏa thuận giao con chung cho bà K trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, ông T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 (hai triệu) đồng.

[3] Về tài sản chung: Các đương sự xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Các đương sự xác định không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về lệ phí Tòa án: Bà K, ông T phải chịu 300.000đ lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có

đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Đặng Thị K và ông Nguyễn Hữu T thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Hữu Th, sinh ngày 23/9/2015 cho bà K trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ông T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 (hai triệu) đồng cho đến khi cháu thiện đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Ông Nguyễn Hữu T không trực tiếp nuôi con được quyền đi lại thăm nom con không ai cản trở. Vì lợi ích của con khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Các đương sự xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Các đương sự xác định không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Đặng Thị K và ông Nguyễn Hữu T chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền lệ phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tiền 0004682 ngày 02/11/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa. Bà K, ông T đã nộp đủ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND TP Biên Hòa (2);
- THADS TP Biên Hòa (1);
- TAND tỉnh Đồng Nai (1);
- Đương sự (2);
- Cơ quan quản lý đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ việc dân sự (1).

THẨM PHÁN

Lê Thị Nguyệt